

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân  
2. Bà Đỗ Thị Sinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐ-TA ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị P**, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: **Số nhà A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi ở hiện nay: **Số nhà E đường L, phố A, phường Q, thành phố T.**

**Bị đơn:** Anh **Lê Tiến V**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú cuối cùng: **Số nhà A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.**

Tại phiên tòa chị **P**, anh **V** vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023, bản tự khai cũng như các tài liệu có trong hồ sơ chị **Bùi Thị P** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Lê Tiến V** kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.** Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc tại số nhà A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không có con nên từ đó xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh V đã bỏ nhà đi từ địa chỉ số nhà A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, khi đi anh V không để lại địa chỉ, không liên lạc với gia đình, chị và gia đình đã áp dụng các biện pháp thông báo tìm kiếm nhưng không có tin tức gì về anh V, nên chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh Lê Tiến V. Ngày 08/12/2023, Tòa án thành phố T đã tuyên bố anh Lê Tiến V mất tích và từ khi tòa án tuyên bố anh V mất tích đến nay đó đến nay chị không có tin tức gì của anh V hiện đang ở đâu, làm gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tiến V.

Về con chung: Chị và anh V không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Lê Tiến V: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lê Tiến V không có mặt.

Cung cấp của phố L, phường H, thành phố T cho thấy: Chị Bùi Thị P và anh Lê Tiến V là công dân của phố L, phường H trong thời gian anh V và chị P chung sống với nhau nhưng không có con chung, từ năm 2018 cho đến khi Tòa án đi xác minh anh V không có mặt tại nơi cư trú, anh V đi đâu địa phương cũng không biết, nay chị P có đơn đề nghị Tòa giải quyết ly hôn anh V, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Lê Tiến V.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật TTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Bùi Thị P** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nơi cư trú cuối cùng của anh **Lê Tiến V** tại **số nhà A Đ, phường H, thành phố T**, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Lê Tiến V** đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh **V** không có mặt để làm bản tự khai, vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1,2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị **Bùi Thị P** và anh **Lê Tiến V** kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại **UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa** là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **P** thấy rằng: Sau khi kết hôn chị **P** và anh **V** chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng muộn có con nên thường xuyên mâu thuẫn nhau, vợ chồng không có sự chia sẻ cùng nhau, không khí trong gia đình luôn nặng nề căng thẳng, vợ chồng luôn cãi chửi nhau, năm 2018 anh **V** đã bỏ nhà đi không để lại địa chỉ, không liên lạc với gia đình, anh em bạn bè, bản thân chị và gia đình đã tìm kiếm anh **V** nhiều nơi nhưng đều không có kết quả. Ngày 08/12/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với anh **Lê Tiến V**. Từ khi Tòa án tuyên bố mất tích đến nay vẫn không có tin tức gì về anh **V** đang ở đâu làm gì. Điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị **P**, xác minh tại **phố Đ, phường H, thành phố T** nơi cư trú cuối cùng của anh **V** cũng như Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **V** không đến Tòa án làm việc. Vì vậy có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị **P** và anh **V** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 68 BLDS xử cho chị **Bùi Thị P** được ly hôn anh **Lê Tiến V**.

[3] Về con chung: Chị **P** và anh **V** không có con chung.

[4] Về tài sản: Chị **P** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **P** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1,2 Điều 227, Điều 228 Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS; Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 68 BLDS; Khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị P** được ly hôn anh **Lê Tiến V**.

Về con chung: Chị **P** và anh **V** không có con chung

Về tài sản, công nợ: Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị **Bùi Thị P** phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **P** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001112 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị **P** đã nộp đủ tiền án phí).

Chị **P**, anh **V** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

### *Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. Hàm Rồng, TPTH.  
Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hoa**







TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng V1  
2. Bà Đỗ Thị S

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị P1 - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐ-TA ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị P, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: Số nhà A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà E đường L, phố A, phường Q, thành phố T.

**Bị đơn:** Anh Lê Tiến V, sinh năm 1985.



Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị P, anh V vắng mặt.

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023, bản tự khai cũng như các tài liệu có trong hồ sơ chị Bùi Thị P trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị và anh Lê Tiến V kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc tại số nhà A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không có con nên từ đó xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh V đã bỏ nhà đi từ địa chỉ số nhà A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, khi đi anh V không để lại địa chỉ, không liên lạc với gia đình, chị và gia đình đã áp dụng các biện pháp thông báo tìm kiếm nhưng không có tin tức gì về anh V, nên chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh Lê Tiến V. Ngày 08/12/2023, Tòa án thành phố T đã tuyên bố anh Lê Tiến V mất tích và từ khi tòa án tuyên bố anh V mất tích đến nay đó đến nay chị không có tin tức gì của anh V hiện đang ở đâu, làm gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tiến V.

*Về con chung:* Chị và anh V không có con chung.

*Về tài sản và công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Lê Tiến V: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lê Tiến V không có mặt.

Cung cấp của phố L, phường H, thành phố T cho thấy: Chị Bùi Thị P và anh Lê Tiến V là công dân của phố L, phường H trong thời gian anh V và chị P chung sống với nhau nhưng không có con chung, từ năm 2018 cho đến khi Tòa án đi xác minh anh V không có mặt tại nơi cư trú, anh V đi đâu địa phương cũng không biết, nay chị P có đơn đề nghị Tòa giải quyết ly hôn anh V, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Lê Tiến V.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên

đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật TTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Bùi Thị P** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nơi cư trú cuối cùng của anh **Lê Tiến V** tại **số nhà A Đ, phường H, thành phố T**, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Lê Tiến V** đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh **V** không có mặt để làm bản tự khai, vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1,2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị **Bùi Thị P** và anh **Lê Tiến V** kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại **UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa** là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **P** thấy rằng: Sau khi kết hôn chị **P** và anh **V** chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng muộn có con nên thường xuyên mâu thuẫn nhau, vợ chồng không có sự chia sẻ cùng nhau, không khí trong gia đình luôn nặng nề căng thẳng, vợ chồng luôn cãi chửi nhau, năm 2018 anh **V** đã bỏ nhà đi không để lại địa chỉ, không liên lạc với gia đình, anh em bạn bè, bản thân chị và gia đình đã tìm kiếm anh **V** nhiều nơi nhưng đều không có kết quả. Ngày 08/12/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với anh **Lê Tiến V**. Từ khi Tòa án tuyên bố mất tích đến nay vẫn không có tin tức gì về anh **V** đang ở đâu làm gì. Điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị **P**, xác minh tại **phố Đ, phường H, thành phố T** nơi cư trú cuối cùng của anh **V** cũng như Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **V** không đến Tòa án làm việc. Vì vậy có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị **P** và anh **V** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 68 BLDS xử cho chị **Bùi Thị P** được ly hôn anh **Lê Tiến V**.



[3] Về con chung: Chị **P** và anh **V** không có con chung.

[4] Về tài sản: Chị **P** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **P** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1,2 Điều 227, Điều 228 Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS; Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 68 BLDS; Khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị P** được ly hôn anh **Lê Tiến V**.

Về con chung: Chị **P** và anh **V** không có con chung

Về tài sản, công nợ: Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị **Bùi Thị P** phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **P** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001112 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị **P** đã nộp đủ tiền án phí).

Chị **P**, anh **V** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. Hàm Rồng, TPTH.  
Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hoa**









